

QUYỀN BẢO HỘ CỦA (tên): Chi ĐỂ Thông Tin NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HỘ (THEO ĐỀ NGHỊ)	SỐ VỤ: Đừng Nộp
--	---------------------------

9. Người được bảo hộ mắc chứng mất trí nhớ như được định nghĩa trong Phần 2356.5 của Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc, và tòa án tìm thấy tất cả các sự kiện khác cần thiết để thực hiện các lệnh được chỉ định trong mục 28.
10. Luật sư (tên): _____ đã được tòa án chỉ định làm cố vấn pháp lý để đại diện cho người được bảo hộ trong các thủ tục này. Chi phí đại diện là: \$ _____ Người được bảo hộ có khả năng thanh toán toàn bộ không phần nào trong tổng số tiền (ghi rõ): \$ _____
11. Người được bảo hộ không cần tham dự phiên tòa.
12. Điều tra viên của tòa án được chỉ định là (tên): _____
(Địa chỉ và số điện thoại): _____
13. (Chỉ dành cho quyền bảo hộ có giới hạn) Người được bảo hộ hạn chế bị khuyết tật phát triển như được định nghĩa trong phần 1420 của Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc.
14. Người được ủy thác chuyên nghiệp, như được định nghĩa trong Phần 6501(f) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.
15. Người bảo hộ thừa kế có giấy phép hợp lệ, chưa hết hạn, không bị đình chỉ với tư cách là người được ủy thác chuyên nghiệp được cấp bởi Cục Ủy Thác Tài Sản Chuyên Nghiệp của Sở Quản Lý và Bảo Vệ Người Tiêu Dùng theo chương 6 (bắt đầu từ mục 6500) của bộ phận 3 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.
Số giấy phép: _____ Ngày phát hành hoặc ngày gia hạn cuối cùng: _____ Ngày hết hạn: _____
16. (Phải đánh dấu vào ô a, b hoặc c):
- a. Người bảo hộ thừa kế không phải là vợ/chồng của người bảo hộ.
- b. Người bảo hộ thừa kế là vợ/chồng của người được bảo hộ và không phải là một bên tham gia hành động hoặc tố tụng chống lại người được bảo hộ về việc ly thân, giải thể, hủy bỏ hợp pháp hoặc xét xử sự vô hiệu của cuộc hôn nhân của họ.
- c. Người bảo hộ là vợ/chồng của người được bảo hộ và là một bên tham gia hành động hoặc tố tụng chống lại người được bảo hộ về việc ly thân, giải thể, hủy bỏ hợp pháp hoặc xét xử sự vô hiệu của cuộc hôn nhân của họ. Vì lợi ích tốt nhất của người được bảo hộ nên chỉ định vợ/chồng là người bảo hộ thừa kế.
17. (Phải đánh dấu vào ô a, b hoặc c):
- a. Người bảo hộ thừa kế không phải là bạn đời sống chung hiện tại hoặc bạn đời sống chung trước đây của người được bảo hộ.
- b. Người bảo hộ thừa kế là bạn đời sống chung của người được bảo hộ và chưa chấm dứt cũng như không có ý định chấm dứt quan hệ bạn đời sống chung của họ.
- c. Người bảo hộ thừa kế là bạn đời sống chung hiện tại hoặc bạn đời sống chung trước đây của người được bảo hộ và có ý định chấm dứt hoặc đã chấm dứt quan hệ bạn đời sống chung của họ. Việc chỉ định bạn đời sống chung hiện tại hoặc bạn đời sống chung trước đây làm người bảo hộ thừa kế là vì lợi ích tốt nhất của người được bảo hộ.

ÁN LỆNH TÒA ÁN

18. a. (Tên): _____ (Số điện thoại): _____
(Địa chỉ): _____

được chỉ định người bảo hộ thừa kế người bảo hộ hạn chế đối với NGƯỜI của (tên): _____
và *Thư về Quyền Bảo Hộ* sẽ được phát hành theo đáp ứng đủ điều kiện.

- b. (Tên): _____ (Số điện thoại): _____
(Địa chỉ): _____

được chỉ định người bảo hộ thừa kế người bảo hộ hạn chế đối với TÀI SẢN của (tên): _____
và *Thư về Quyền Bảo Hộ* sẽ được phát hành theo đáp ứng đủ điều kiện.

19. Người được bảo hộ không cần tham dự phiên tòa.
20. a. Không bắt buộc phải có khế ước.
b. Khế ước được ấn định ở mức: \$ _____ được cung cấp bởi một công ty bảo lãnh được ủy quyền hoặc theo quy định khác của pháp luật.
c. Số tiền: \$ _____ được yêu cầu gửi vào một tài khoản bị phong tỏa tại (nếu rõ tổ chức và địa điểm): _____

và biên lai sẽ được nộp. Không được rút tiền nếu không có lệnh của tòa án.

Các lệnh khác trong Phụ Lục 20c.

QUYỀN BẢO HỘ CỦA (tên): Chi Để Thông Tin	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HỘ (THEO ĐỀ NGHỊ)	SỐ VỤ: Đừng Nộp
--	----------------------------------	---------------------------

20. (tiếp)

- d. Người bảo hộ thừa kế không được phép chiếm giữ tiền hoặc bất kỳ tài sản nào khác nếu không có lệnh tòa án cụ thể.
21. Đối với các dịch vụ pháp lý được cung cấp, người được bảo hộ tài sản của người được bảo hộ
 sẽ trả số tiền: \$ _____ cho (tên): _____
 ngay lập tức như sau (nếu rõ các điều khoản, bao gồm bất kỳ kết hợp nào giữa những người thanh toán):

Tiếp tục trong phụ lục 21.

22. Người được bảo hộ không đủ tư cách biểu quyết.
23. Người được bảo hộ không có khả năng đưa ra sự đồng ý có hiểu biết về việc điều trị y tế và người bảo hộ thừa kế của người được cấp các quyền hạn quy định trong Phần 2355 của Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc.
 Việc điều trị sẽ được thực hiện bởi chuyên gia được công nhận của một tôn giáo theo định nghĩa trong Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc phần 2355(b).
24. Người bảo hộ thừa kế về tài sản được cấp phép theo Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc phần 2590 để thực hiện một cách độc lập các quyền hạn được quy định trong phụ lục 24 tùy thuộc vào các điều kiện được cung cấp.
25. Các lệnh liên quan đến năng lực của người được bảo hộ theo Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc các phần 1873 hoặc 1901 như quy định trong phụ lục 25 được cấp.
26. Các lệnh liên quan đến quyền hạn và nhiệm vụ của người bảo hộ thừa kế về người theo Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc phần 2351–2358 như được chỉ định trong phụ lục 26 được cấp. (Không bao gồm các lệnh theo Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc phần 2356.5 liên quan đến chứng mất trí nhớ.)
27. Các lệnh liên quan đến các điều kiện được áp dụng theo Phần 2402 của Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc về người bảo hộ thừa kế về tài sản như đã nêu trong phụ lục 27 được cấp.
28. a. Người bảo hộ về người được cấp quyền đưa người được bảo hộ vào cơ sở chăm sóc hoặc điều dưỡng được mô tả trong Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc phần 2356.5(b).
 b. Người bảo hộ thừa kế về người được cấp quyền cho phép quản lý các loại thuốc thích hợp dùng cho việc chăm sóc và điều trị chứng sa sút trí tuệ được mô tả trong Bộ Luật Chứng Thực Di Chúc phần 2356.5(c).
29. Các lệnh khác như được chỉ định trong phụ lục 29 được cấp.
30. Trọng tài chứng thực di chúc được chỉ định là (tên và địa chỉ):

31. (Chỉ dành cho quyền bảo hộ có giới hạn) Các lệnh liên quan đến quyền hạn và nhiệm vụ của người thừa kế
32. (Chỉ dành cho quyền bảo hộ có giới hạn) Các lệnh liên quan đến quyền hạn và nhiệm vụ của người thừa kế
33. (Chỉ dành cho quyền bảo hộ có giới hạn) Các lệnh giới hạn các quyền dân sự và hợp pháp của người được bảo hộ giới hạn như được nêu trong phụ lục 33 được cấp.
34. Lệnh này có hiệu lực vào ngày ký tên ngày trẻ vị thành niên bước sang tuổi thành niên (ghi rõ):
35. Số ô được đánh dấu trong các mục 18–34:
36. Số trang đính kèm:

Ngày:

VIÊN CHỨC TƯ PHÁP

 CHỮ KÝ Ở SAU PHỤ LỤC CUỐI CÙNG